TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 371/2025/DS-ST
Ngày 17-06-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Kim Hoài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vân

2. Ông Võ Văn Dương

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi – Thư ký Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 06 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 196/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 03 năm 2025, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 320/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 05 năm 2025, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông Lê Nguyễn H, sinh năm 1964 và bà Vũ Thị Kim O, sinh năm 1969; cùng địa chỉ: số C đường T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đoàn Văn N, sinh năm 2000; địa chỉ: số C đường T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Viết H1, sinh năm 1976, là Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; địa chỉ: số C đường T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Phan Thị Kim L, sinh năm 1963; địa chỉ: số G Đường F, Tổ C, ấp C, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 02 tháng 11 năm 2020 nguyên đơn có cho bị đơn vay 700.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 0,8%/tháng, thời hạn vay là 01 năm, bị đơn thế chấp cho nguyên đơn thửa đất số 688-10, tờ bản đồ số 12, tại xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 138562, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 70 QSDĐ/HTH ngày 24/07/2003 của Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 138562). Hai bên có lập Hợp đồng vay và thế chấp tài sản tại Văn phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình vay bị đơn đã trả được tiền lãi tính từ ngày 02 tháng 11 năm 2020 đến ngày 02 tháng 11 năm 2021. Sau đó hai bên ký kết Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng vay và thế chấp tài sản ngày 02 tháng 11 năm 2021 tại văn phòng C, theo đó thời hạn cho vay là 02 năm kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2020, các nội dung khác của Hợp đồng vay và thế chấp tài sản ký kết giữa hai bên ngày 02 tháng 11 năm 2020 được giữ nguyên. Từ ngày 02 tháng 11 năm 2021 đến nay bị đơn trả lãi được 12 lần với số tiền 84.000.000 đồng, chưa trả nợ gốc. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng vay nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 03/02/2025 là 925.120.000 đồng, trong đó nợ gốc là 700.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 67.200.000 đồng, lãi chậm trả lãi là 15.120.000 đồng, lãi quá hạn là 142.800.000 đồng (lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự), trả một lần ngay khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Nguyên đơn đồng ý trả lại cho bị đơn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 138562 ngay khi bị đơn thanh toán hết nợ.

Ý kiến của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn xác nhận có vay của nguyên đơn số tiền 700.000.000 đồng, lãi suất như nguyên đơn trình bày. Bị đơn đã trả được 84.000.000 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 03 tháng 04 năm 2025 bị đơn còn nợ của nguyên đơn là 943.040.000 đồng, trong đó: nợ gốc là 700.000.000 đồng, lãi trong hạn là 67.200.000 đồng, lãi chậm trả lãi là 16.240.000 đồng, lãi quá hạn là 159.600.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn bị đơn đề nghị nguyên đơn cho bị đơn được trả khoản nợ trên trong thời hạn 01 năm kể từ ngày 09 tháng 05 năm 2025 đến hết ngày 30 tháng 04 năm 2025 và đề nghị nguyên đơn giảm toàn bộ số tiền lãi quá hạn là 159.600.000 đồng.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh từ Hợp đồng vay và thế chấp tài sản ngày 02 tháng 11 năm 2020 và Hợp đồng sửa chữa, bổ sung Hợp đồng vay và thế chấp tài sản ngày 02 tháng 11 năm 2021 tính đến ngày 17 tháng 06 năm 2025 là 947.800.000 đồng, trong đó: nợ gốc là 700.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 247.800.000 đồng, trả một lần ngay khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất 1,2%/tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi bị đơn trả hết nợ, nguyên đơn đồng ý trả lại cho bị đơn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 138562

ngay khi bị đơn trả hết nợ. Nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về khoản tiền lãi chậm trả lãi là 15.120.000 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì tại các phiên hòa giải và phiên tòa, bị đơn thừa nhận và chịu trách nhiệm trả cho nguyên đơn 700.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận giữa hai bên tại Hợp đồng vay. Vì khoản vay có tài sản bảo đảm nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho nguyên đơn được quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không trả được nợ, đồng thời không đưa bà D vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vì nguyên đơn không biết bà D là ai, nguyên đơn chỉ cho bị đơn vay tiền và bị đơn thừa nhận là người trực tiếp trả tiền lãi cho nguyên đơn.

Bị đơn khai bị đơn là người dùng tài sản của mình để bảo đảm cho cháu ruột là Phan Thị Mỹ D, sinh năm 1974 (không rõ địa chỉ nơi cư trú) vay của nguyên đơn số tiền 700.000.000 đồng, bị đơn không nhận tiền mà bà D mới là người nhận số tiền trên từ nguyên đơn. Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử đưa bà D vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Hiện tại bà D đang bị thi hành án phạt tù, tại trại giam nào thì bị đơn không nhớ. Vì bị đơn không cung cấp được chứng cứ cũng như địa chỉ nơi cư trú của bà D nên bị đơn chấp nhận trả số tiền nợ theo yêu cầu của nguyên đơn, nhưng xin trả trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

1. Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng; thực hiện việc gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

2. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 947.800.000 đồng cho nguyên đơn và tiền lãi quá hạn kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đến khi bị đơn thanh toán hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận giữa hai bên; đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền lãi chậm trả lãi là 15.120.000 đồng; buộc

nguyên đơn trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 138562 cho bị đơn; không chấp nhận đưa bà Phan Thị Mỹ D vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo đề nghị của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử đưa bà Phan Thị Mỹ D vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tuy nhiên bị đơn không cung cấp được địa chỉ nơi cư trú của bà D, không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà D là người mượn tiền của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử quyết định không đưa bà D vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

[3.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 17 tháng 06 năm 2025 là 947.800.000 đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật:

Căn cứ Hợp đồng vay và thế chấp tài sản ngày 02 tháng 11 năm 2020, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng vay và thế chấp tài sản ngày 02 tháng 11 năm 2021, lời khai của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án, cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định nguyên đơn ông Lê Nguyễn H và bà Vũ Thị Kim O có cho bị đơn bà Phan Thị Kim L vay 700.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 0,8%/tháng, thời hạn vay là 01 năm. Đến hạn bị đơn đã trả được toàn bộ tiền lãi, còn tiền nợ gốc hai bên thỏa thuận gia hạn thêm 01 năm đến ngày 02 tháng 11 năm 2022. Khi hết thời hạn gia hạn, bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền lãi là 84.000.000 đồng, chưa trả tiền nợ gốc. Tính đến ngày 17 tháng 06 năm 2025, bị đơn còn nợ của nguyên đơn tổng cộng là 947.800.000 đồng, trong đó: nợ gốc là 700.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 247.800.000 đồng. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ.

Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là hợp pháp nên chấp nhận, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ tính đến ngày 17 tháng 06 năm 2025 là 947.800.000 đồng, trong đó: nợ gốc là 700.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 247.800.000 đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn tiếp tục trả lãi kể từ ngày 18 tháng 06 năm 2025 cho đến khi trả hết khoản nợ theo mức lãi suất 1,2%/tháng:

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/ NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn là hợp pháp nên chấp nhận, buộc bị đơn phải tiếp tục thanh toán lãi quá hạn đối với khoản nợ gốc kể từ sau khi tuyên án sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc, theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng vay và điểm b khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi chậm trả lãi là 15.120.000 đồng:

Xét thấy, nguyên đơn tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi chậm trả lãi là 15.120.000 đồng, việc rút lại yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn có lợi cho bị đơn; căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi của nguyên đơn về khoản tiền lãi chậm trả lãi là 15.120.000 đồng.

[3.4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc trả lại cho bị đơn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 138562 khi bị đơn trả hết nợ:

Xét thấy: tại thời điểm vay, để bảo đảm cho khoản vay 700.000.000 đồng bị đơn có thế chấp cho nguyên đơn quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 688-10, tờ bản đồ số 12, tại xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 138562, việc thế chấp này các bên thỏa thuận ghi nhận trong Hợp đồng vay và thế chấp tài sản ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn được Văn phòng C, quyển số 11 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 02 tháng 11 năm 2020, tuy nhiên nguyên đơn và bị đơn không thực hiện việc đăng ký tài sản thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền nên việc thế chấp này không hợp pháp; căn cứ quy định tại các Điều 117, 123, 298 của bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 4 của Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 09 năm 2017 của Chính Phủ quy định về đăng ký biện pháp bảo đảm, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn mà buộc nguyên đơn phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất W 138562 cho bị đơn ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Do việc thế chấp tài sản bảo đảm không đúng quy định của pháp luật nên người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận.

[3.5] Bị đơn đề nghị được trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi cho nguyên đơn trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm, tuy nhiên nguyên đơn không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của bị đơn.

[3.6] Về phần phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí

Minh phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 40.434.000 đồng, tuy nhiên bị đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 117, 123, 289, 463 và 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ quy định Điều 167, 168 và 188 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 6, 7, 9 và 30 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Điều 4 của Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/ NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Phan Thị Kim L phải thanh toán cho ông Lê Nguyễn H và bà Vũ Thị Kim O số tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 17 tháng 06 năm 2025 là 947.800.000 đồng, trong đó: nợ gốc là 700.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 247.800.000 đồng phát sinh từ Hợp đồng vay và thế chấp tài sản số công chứng 009681, quyển số 11 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 02 tháng 11 năm 2020 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng vay và thế chấp tài sản số công chứng 006114, quyển số 11/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 02 tháng 11 năm 2021 ký kết giữa ông Lê Nguyễn H, bà Vũ Thị Kim O và bà Phan Thị Kim L tại Văn phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Phan Thị Kim L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất là 1,2%/tháng cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

Ông Lê Nguyễn H và bà Vũ Thị Kim O phải trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 138562, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 70 QSDĐ/HTH ngày 24/07/2003 của Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Phan Thị Kim L ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản tiền lãi chậm trả lãi là 15.120.000 đồng.

2. Về án phí:

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 19.876.800 đồng (Mười chín triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn tám trăm đồng) cho ông Lê Nguyễn H và bà Vũ Thị Kim O theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0063891 ngày 14 tháng 03 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

Bà Phan Thị Kim L được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Hoài

Nơi nhận:
- TAND Tp . Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THA DS huyện Củ Chi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.